

Số: /KH-UBND

Cẩm Xuyên, ngày tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Kế hoạch hành động số 380/KH-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Kế hoạch hành động số 380/KH-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (viết tắt là: *Kế hoạch hành động*). Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, định hướng và giải pháp trong Chiến lược; triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện Chiến lược; xây dựng các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, kịp thời và thống nhất.

- Triển khai thực hiện hiệu quả, có chất lượng các nhiệm vụ được giao trong thực hiện Chiến lược nhằm nâng cao công tác quản lý, điều hành.

2. Yêu cầu

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ nội dung, cụ thể hóa các định hướng và giải pháp của Chiến lược đến các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm tạo đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai, thực hiện Chiến lược.

- Trên cơ sở nội dung định hướng, giải pháp của Kế hoạch thực hiện Chiến lược, các địa phương, chủ rừng, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện hiệu quả nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, định hướng, giải pháp đã đặt ra trong Chiến lược, Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược của UBND tỉnh, UBND huyện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Làm cơ sở để triển khai cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; xây dựng ngành lâm nghiệp trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật đặc thù; quản lý, bảo vệ,

phát triển và sử dụng bền vững đất, rừng được quy hoạch cho lâm nghiệp trên địa bàn huyện; huy động tối đa các nguồn lực xã hội, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại để phát triển lâm nghiệp. Phát huy tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của từng loại rừng; tăng giá trị thu nhập từ rừng trồng là rừng sản xuất trên đơn vị diện tích góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động tiêu cực do thiên tai, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Tạo ra được chuỗi giá trị sản xuất lâm nghiệp, liên kết sản xuất giữa người nông dân trong kinh tế hợp tác và doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2022 - 2025

- Duy trì tỷ lệ che phủ của rừng 46,5% vào năm 2025. Trồng rừng tập trung hàng năm 500,0 ha - 700,0 ha, trong đó: trồng rừng phòng hộ, đặc dụng khoảng 250,0 ha. Trồng cây xanh phân tán: 0,1 triệu cây/năm.

- Đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp bình quân đạt 1,5% đến 3,5%/năm.

- Quản lý, bảo vệ và phát triển trên diện tích 32.564,5 ha rừng và đất lâm nghiệp hiện có theo quy hoạch, trong đó quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích 19.821,4 ha rừng tự nhiên hiện có thông qua các hoạt động khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên và trồng bổ sung rừng phòng hộ, đặc dụng bằng các loài cây bản địa.

- Đưa năng suất bình quân rừng trồng hàng năm đạt 30 m³/ha/năm.

- Khai thác nhựa thông đạt sản lượng từ 180 - 300 tấn/năm; khai thác lâm sản ngoài gỗ khác đạt 50 - 100 tấn/năm.

- Duy trì ổn định các vùng rừng trồng nguyên liệu tập trung, đảm bảo hàng năm cung cấp 30.000 m³ đến 36.000 m³ gỗ nguyên liệu có chất lượng cao phục vụ cho công nghiệp chế biến, tiêu dùng và xuất khẩu.

- Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn và các hệ thống nông lâm kết hợp; phân đầu diện tích rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 1.000 ha.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ, phục vụ bảo vệ và phát triển rừng, kết hợp phát triển dân sinh, kinh tế - xã hội. Duy trì và mở rộng các loại hình dịch vụ từ môi trường rừng.

2.2. Định hướng đến năm 2030

- Duy trì tỷ lệ che phủ của rừng 46,5%. Hàng năm, trồng rừng tập trung từ 500,0 - 800,0 ha, trong đó rừng phòng hộ, đặc dụng khoảng 250,0 ha.

- Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có đặc biệt quan tâm bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng tự nhiên sản xuất. Nuôi dưỡng, làm giàu, phục hồi rừng tự nhiên; rừng trồng phòng hộ, đặc dụng bằng các loài cây trồng bản địa có khả năng phòng hộ cao.

- Đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp bình

quân đạt 2,0 đến 3,5%/năm.

- Ổn định năng suất bình quân rừng trồng đạt 30 m³/ha/năm.
- Tiếp tục duy trì khai thác nhựa thông đạt sản lượng từ 180 - 300 tấn/năm; khai thác lâm sản ngoài gỗ khác đạt 50 - 100 tấn/năm.
- Duy trì ổn định các vùng rừng trồng nguyên liệu tập trung, đảm bảo hằng năm cung cấp 30.000 m³ đến 40.000 m³ gỗ nguyên liệu có chất lượng cao phục vụ cho công nghiệp chế biến, tiêu dùng và xuất khẩu.
- Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng, chú trọng phát triển rừng trồng gỗ lớn và các hệ thống nông lâm kết hợp; phấn đấu diện tích rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 1.000 ha.
- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá ngành lâm nghiệp thông qua hoàn thiện môi trường thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để phát triển lâm nghiệp bền vững. Đẩy mạnh phát triển các loại hình dịch vụ từ môi trường rừng.
- Nâng cao giá trị gia tăng và xuất khẩu sản phẩm gỗ, chú trọng các sản phẩm chế biến sâu, có lợi thế cạnh tranh (*sản phẩm đồ gỗ nội thất, sản phẩm gỗ cao cấp, ván MDF, ván dán,...*); 100% gỗ, sản phẩm gỗ sản xuất, chế biến tiêu dùng trong nước và xuất khẩu được sử dụng từ nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp, trong đó có từ 15-20% sản phẩm gỗ được sử dụng từ nguyên liệu được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2050

- Phát huy có hiệu quả tiềm năng lợi thế rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, ổn định hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên, đồng thời khai thác các tiềm năng dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái... ; duy trì ổn định tỷ lệ độ che phủ rừng trên 46,5%.
- Nâng cao năng suất, chất lượng rừng, phát triển thị trường cacbon, quản lý, sử dụng có hiệu quả diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.
- Quản lý rừng bền vững; bảo đảm an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, chống suy thoái đất đai, giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đa dạng các hình thức cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến triển khai thực hiện Chiến lược

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện; các địa phương, chủ rừng chủ động tổ chức quán triệt, tuyên truyền các mục tiêu và nội dung của Chiến lược, Kế hoạch hành động của UBND huyện để triển khai thực hiện hiệu quả.
- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp về các giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, bảo vệ quốc phòng, an ninh của rừng; vai trò, tầm quan trọng của rừng đối với bảo tồn đa dạng sinh học, giá trị cung ứng dịch vụ môi trường rừng, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và sự phát triển bền vững. Tăng cường truyền thông với nội dung phong phú và hình thức đa dạng, phát huy truyền thông hiện đại và mạng xã hội

tạo sự thay đổi nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp, đặc biệt là chính quyền cơ sở và các ngành về trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng (*BVR-PCCCR*); tuân thủ các quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn, cam kết về bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp.

- Tăng cường giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân; vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng; thay đổi nhận thức, tập quán kinh doanh, sản xuất lâm nghiệp quảng canh sang thâm canh; phát triển nông lâm kết hợp, kết hợp sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ môi trường rừng.

2. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách lâm nghiệp

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách lâm nghiệp trên cơ sở Luật Lâm nghiệp năm 2017, đảm bảo hài hòa với Luật Đất đai, Luật Đa dạng sinh học, Luật Bảo vệ môi trường, pháp luật liên quan để đáp ứng yêu cầu phát triển lâm nghiệp bền vững; nghiên cứu, xây dựng chính sách thúc đẩy xã hội hóa nghề rừng, thu hút đầu tư vào lâm nghiệp, quản lý rừng tự nhiên, phát triển lâm nghiệp cộng đồng, dịch vụ môi trường rừng,...

- Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển lâm nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững, như: tiếp tục giao rừng và đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư, phát triển quản lý rừng cộng đồng; quy định, làm rõ chế độ sở hữu, quyền sử dụng và nghĩa vụ của chủ rừng; hưởng lợi từ rừng, thực sự tạo sinh kế cho người dân sống gần rừng; chi trả dịch vụ môi trường rừng; quyền sử dụng đất, rừng để sản xuất kinh doanh phù hợp kinh tế thị trường; tích tụ đất đai đối với rừng sản xuất, tạo vùng nguyên liệu tập trung có quy mô lớn; cơ chế, chính sách, chế độ đãi ngộ đối với người tham gia bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; chính sách đối với người lao động, người dân sống gần rừng.

- Thu hút đầu tư và thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư, khuyến khích đầu tư bảo vệ và phát triển rừng; phát triển nông lâm kết hợp và lâm sản ngoài gỗ, dịch vụ môi trường rừng để thay thế dần cơ chế hỗ trợ khoán bằng tiền từ ngân sách nhà nước; sở hữu các sản phẩm lâm sản, sản phẩm nông, ngư nghiệp kết hợp và lâm sản ngoài gỗ hay giá trị thu được từ dịch vụ ngoài lâm sản đối với diện tích rừng do nhà nước làm đại diện chủ sở hữu được giao, khoán cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

- Xây dựng, hoàn chỉnh cơ chế chính sách đầu tư, thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lâm nghiệp; cơ chế, chính sách kinh tế bảo đảm thu lại đầy đủ các giá trị do rừng tạo ra để tạo nguồn tài chính ổn định, bền vững nhằm tái đầu tư cho ngành lâm nghiệp, giảm tỷ trọng đầu tư từ ngân sách nhà nước.

- Đề xuất tăng đầu tư của nhà nước cho quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, nghiên cứu khoa học, khuyến lâm, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng hệ thống quản lý rừng hiện đại, điều tra quy hoạch rừng, xây dựng rừng giống, vườn giống chất lượng cao và đầu tư thích đáng cho xây dựng cơ sở hạ

tầng lâm nghiệp; đối với rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, nhà nước cấp kinh phí sự nghiệp hàng năm cho các ban quản lý theo cơ chế tự chủ tài chính và chi phí hoạt động của các tổ bảo vệ rừng thôn, xã; nhà nước cấp kinh phí quản lý, bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng.

- Quản lý chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên, có cơ chế kết hợp hài hòa giữa quản lý, bảo vệ với khai thác các giá trị kinh tế của rừng tự nhiên để góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội các địa phương có rừng.

- Quản lý chặt chẽ về giống cây lâm nghiệp, cây phân tán, cây xanh bóng mát; tiếp tục thực hiện tốt Chương trình theo dõi, giám sát rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn.

- Đảm bảo ngân sách cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, mua sắm thiết bị và xây dựng mới, duy tu, bảo dưỡng công trình phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng,...

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ vốn ưu đãi cho các hộ tham gia bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt các hộ nghèo, vùng sâu, vùng xa để phát triển sản xuất theo phương thức nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, chăn nuôi đại gia súc, trồng cây nông nghiệp trong thời gian chưa có thu nhập từ rừng.

- Hỗ trợ đầu tư, ưu đãi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho sản xuất giống, sản xuất các chế phẩm sinh học lâm nghiệp, công nghiệp phù trợ cho chế biến lâm sản, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới, thân thiện với môi trường. Đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách bảo hiểm trong lâm nghiệp, bảo hiểm rừng trồng.

3. Xây dựng, triển khai hiệu quả, chất lượng các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp

Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, đề án phát triển ngành lâm nghiệp:

- Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất rừng và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030.

- Kế hoạch trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025.

4. Tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động lâm nghiệp

4.1. Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học

- Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, nhất là các vùng lõi, phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trong đó: đối với rừng đặc dụng đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên chú trọng công tác bảo vệ rừng, phát triển dịch vụ môi trường rừng và các mô hình phát triển lâm sản ngoài gỗ, nông lâm kết hợp; thực hiện các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng.

- Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác (*trừ các dự án quan trọng Quốc gia, dự án phục vụ Quốc phòng, an ninh Quốc gia, dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt*); rà soát quỹ đất chưa giao, chưa cho thuê hiện đang do UBND cấp xã quản lý và của các đơn vị chủ rừng nhà nước, các công ty lâm nghiệp, các dự án sản xuất không hiệu quả để giao đất, cho thuê đất gắn với giao rừng, cho thuê rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, bảo đảm tất cả diện tích rừng và đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp phải được giao, cho thuê đến những chủ rừng thực sự; đảm bảo đủ các điều kiện để tổ chức quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

- Đẩy mạnh xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách và hướng dẫn kỹ thuật về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; tăng cường nâng cao năng lực cho các bên liên quan về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.

- Tăng cường năng lực quản trị rừng cho các chủ rừng thông qua việc thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá tài nguyên rừng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS), công nghệ thông tin trong quản lý ngành lâm nghiệp; điều tra, đánh giá tài nguyên rừng; phát triển lâm nghiệp cộng đồng, gắn với bản sắc văn hóa truyền thống, lấy người dân làm trung tâm. Nâng cao năng lực để các chủ rừng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hiệu quả, đến năm 2030, 100% các chủ rừng là tổ chức có đủ năng lực theo dõi, giám sát, quản lý tài nguyên rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Tăng cường quản lý nhà nước, soát xét điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đảm bảo phù hợp, thống nhất theo quy định của pháp luật. Đặc biệt, phát huy tinh thần trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong việc kiểm tra, giám sát các quy hoạch, chương trình, dự án trên diện tích rừng, đất lâm nghiệp. Định kỳ rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các quy hoạch và đề xuất điều chỉnh những bất cập nhằm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương, lực lượng vũ trang và các đơn vị liên quan trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng. Phát huy vai trò, trách nhiệm của chủ rừng về bảo vệ rừng tại gốc, phòng cháy, chữa cháy rừng; đặc biệt là tại các vùng rừng giáp ranh với các huyện Thạch Hà, Hương Khê, Kỳ Anh và tỉnh Quảng Bình để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm.

- Tăng cường kiểm tra, chỉ đạo bám sát địa bàn, áp dụng cơ chế chính sách động viên, khuyến khích toàn dân tích cực bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng. Thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng rừng bền vững nâng cao đời sống cho người dân trên địa bàn.

- Tập trung xử lý dứt điểm các vụ việc về tranh chấp, lấn chiếm đất lâm nghiệp theo quy định của pháp luật; không để xảy ra khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo.

- Rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ giao đất, giao rừng, cập nhật thông tin, diễn biến rừng; cắm mốc ranh giới quy hoạch 3 loại rừng, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ, thống nhất từ bản đồ ra thực địa đến tận từng chủ quản lý, xây dựng phần mềm truy xuất đảm bảo phục vụ công tác quản lý, theo dõi.

4.2. Phát triển rừng

- Phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư vào phát triển rừng thông qua các cơ chế, chính sách khuyến khích về đất đai, tín dụng, bảo hiểm, thuế, thị trường.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp, ưu tiên phát triển giống được sản xuất từ cây mô, hom để trồng rừng sản xuất và có khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu; quản lý chặt chẽ giống cây trồng lâm nghiệp, đảm bảo tỷ lệ cây giống cung cấp cho trồng rừng được kiểm soát đạt trên 90%; năng suất rừng trồng thâm canh giống mới trung bình 30 m³/ha/năm vào năm 2025.

- Phục hồi rừng tự nhiên bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng và làm giàu rừng; phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, bao gồm: xác định cơ cấu cây trồng, loài cây trồng phù hợp điều kiện đất đai, khí hậu, có giá trị kinh tế cao và phù hợp với mục đích kinh doanh, công nghệ khai thác, chế biến; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, sử dụng giống chất lượng cao, trồng rừng thâm canh gỗ lớn, cơ giới hóa và công nghệ cao trong các khâu sản xuất (*xử lý thực bì, làm đất, chăm sóc, phòng chống sâu bệnh, lửa rừng, khai thác, vận chuyển, chế biến lâm sản,...*).

- Phát triển hệ thống rừng đặc dụng, bảo tồn và phát huy giá trị nguồn gen cây rừng, tài nguyên rừng và đa dạng sinh học, đáp ứng yêu cầu duy trì cân bằng sinh thái và phát triển lâm nghiệp bền vững. Đánh giá, tư liệu hóa tài nguyên đa dạng sinh học phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và cung cấp nguồn vật liệu cho lai tạo giống, phát triển rừng trồng, tạo sản phẩm mới, thương hiệu mới; nâng cao khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế.

- Duy trì và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ để giảm thiểu tác hại do thiên tai, cải thiện môi trường, giảm phát thải; tăng hấp thụ các-bon, cung ứng dịch vụ môi trường rừng, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đầu tư phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường, thu hút và hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng; ưu tiên phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển nhằm phòng, chống và giảm nhẹ tác động tiêu cực của thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh nhằm mục đích vừa cung cấp gỗ và nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng, vừa phòng hộ, bảo vệ môi trường, cải thiện cảnh quan (*tại các đô thị, vùng nông thôn, công sở, trường học, bệnh viện, khu di tích lịch sử,...*) và ứng phó với biến đổi khí hậu.

4.3. Sử dụng rừng

- Tiếp tục thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên, không khai thác gỗ

từ rừng tự nhiên; có cơ chế, chính sách để hạn chế khai thác sử dụng gỗ non từ rừng trồng còn ít tuổi, đang trong thời kỳ sinh trưởng mạnh, khuyến khích trồng rừng gỗ lớn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho chế biến gỗ và lâm sản.

- Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu, tái đầu tư cho phát triển lâm nghiệp; đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng rừng bền vững, chế biến sâu các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ bằng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

- Nghiên cứu, đề xuất phương án khai thác hợp lý rừng phòng hộ là rừng trồng, để vừa đảm bảo chức năng phòng hộ, vừa cung cấp nguyên liệu gỗ lớn và lâm sản ngoài gỗ cho sản xuất và tiêu dùng; tiếp tục khoanh nuôi, cải tạo và làm giàu rừng tự nhiên là rừng sản xuất để nâng cao chất lượng, tạo nguồn cung cấp gỗ, lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ môi trường rừng.

- Sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học, các nguồn gen, loại sinh vật và hệ sinh thái rừng; đẩy mạnh gây trồng, sử dụng lâm sản ngoài gỗ, tập trung vào các nhóm sản phẩm có thể mạnh, có giá trị kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của các địa phương, như: mây tre, dược liệu, dầu nhựa, thực phẩm, các chế phẩm hữu cơ,... Đề xuất cơ chế, chính sách để chủ rừng được quản lý, khai thác, phát triển và sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ.

4.4. Phát triển công nghiệp chế biến, thương mại lâm sản

- Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư phát triển các khu công nghiệp chế biến lâm sản công nghệ cao, các cụm công nghiệp ngành gỗ và chế biến lâm sản tại những nơi có khả năng cung cấp đủ nguyên liệu, giao thông thuận lợi, kết cấu hạ tầng đồng bộ đảm bảo cạnh tranh trên thị trường; thay thế những máy móc, công nghệ cũ, lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường đối với những cơ sở chế biến đang hoạt động; cương quyết không sử dụng công nghệ cũ, lạc hậu...

- Tăng tỷ trọng các sản phẩm chế biến sâu. Tập trung phát triển các mặt hàng sản phẩm có ưu thế cạnh tranh cao và bền vững, như: đồ gỗ nội thất, đồ mộc mỹ nghệ và sản phẩm tinh chế từ lâm sản ngoài gỗ (*mây, tre, dược liệu,...*). Khuyến khích sử dụng các sản phẩm từ ván nhân tạo và gỗ từ rừng trồng; tập trung phát triển sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ có giá trị.

- Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản gắn với quá trình cơ cấu lại ngành lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển đồng bộ các khâu của chuỗi giá trị lâm sản từ sản xuất, khai thác, chế biến đến tiêu thụ phù hợp với quy mô, trình độ sản xuất và đặc điểm, lợi thế của từng ngành hàng; gắn với phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung.

- Phát triển cơ giới hóa và công nghiệp chế biến lâm sản theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại, thông minh, hiệu quả, an toàn, ít phát thải và bền vững; khuyến khích các thành phần kinh tế và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đầu tư phát triển công nghiệp chế biến lâm sản.

- Quản lý chặt chẽ, đảm bảo nguồn gốc lâm sản hợp pháp; sử dụng nguyên

liệu gỗ nhập khẩu, đồng thời tăng cường trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn, tái cơ cấu các loài cây trồng cung cấp gỗ lớn và lâm sản ngoài gỗ, để chủ động nguyên liệu cho chế biến, giảm tối đa sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, đồng thời nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm chế biến.

5. Bố trí, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành lâm nghiệp

- Huy động nhiều nguồn lực để triển khai thực hiện Chiến lược, Kế hoạch hành động của huyện, của tỉnh bảo đảm đầy đủ, kịp thời theo quy định.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn thực hiện Kế hoạch, trong đó vốn ngân sách nhà nước ưu tiên tập trung cho đối tượng rừng đặc dụng, phòng hộ, rừng tự nhiên là rừng sản xuất trong thời gian đóng cửa rừng; đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; nghiên cứu, ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quản lý nhà nước về lâm nghiệp.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực lâm nghiệp, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm gỗ theo quy định của pháp luật. Huy động các nguồn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, sự tham gia đóng góp của người dân và các thành phần kinh tế.

- Đẩy mạnh các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, khai thác các tiềm năng, các dịch vụ mới để tăng nguồn thu, như: Dịch vụ du lịch sinh thái, tín chỉ các-bon,...sử dụng nguồn thu từ các Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đúng mục đích trồng rừng thay thế.

6. Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ, hiện đại hóa ngành lâm nghiệp

- Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đáp ứng yêu cầu trong phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất ngành lâm nghiệp. Phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết vùng nguyên liệu tập trung với nhà máy chế biến, ưu tiên cho các Hợp tác xã lâm nghiệp.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường, đa dạng hóa thị trường nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, thị trường mới nổi. Kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bảo đảm môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến gỗ.

- Ưu tiên tăng cường nâng cao năng lực, cơ sở vật chất phục vụ theo dõi, giám sát tài nguyên rừng; nhất là tăng cường công nghệ 4.0 và đầu tư xây dựng công trình, mua sắm trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng.

7. Phát triển ứng dụng khoa học công nghệ và khuyến lâm

- Huy động các nguồn lực xã hội, sự tham gia của người dân, cộng đồng, doanh nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu của sản xuất và thị trường, khuyến khích đổi mới, sáng tạo để tạo ra các giá trị và sản phẩm mới, có sự tham gia của các chủ rừng và doanh nghiệp: lâm nghiệp công nghệ cao, ứng phó với biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế; bảo tồn đa dạng sinh học; dịch vụ môi trường rừng; chất lượng rừng trồng và công nghệ chế biến lâm sản; xây dựng các

chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ, ưu tiên các lĩnh vực: chọn, tạo giống cây lâm nghiệp chất lượng cao, thâm canh rừng trồng sản xuất, công nghệ chế biến lâm sản, sản phẩm phụ trợ thay thế hàng nhập khẩu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học trong quản lý và bảo vệ rừng, phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ; tính toán, lượng hóa tổng giá trị kinh tế của rừng, đóng góp trong phát triển kinh tế xanh.

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ, khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị ngành lâm nghiệp, nhất là khâu chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp mới có năng suất cao, thâm canh rừng, khai thác, vận chuyển và chế biến lâm sản.

- Gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp và người trồng rừng; kết hợp nghiên cứu với đào tạo và khuyến lâm, giữa sản xuất và chế biến tiêu thụ sản phẩm tạo thành chuỗi nghiên cứu khép kín trong đào tạo.

- Thực hiện có hiệu quả các dự án đầu tư nâng cao năng lực, hoàn thiện hệ thống điều tra, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng đảm bảo phục vụ và đáp ứng yêu cầu phát triển lâm nghiệp trong tình hình mới.

- Thúc đẩy hiện đại hóa công nghiệp chế biến lâm sản, khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, chế biến sâu, tiết kiệm nguyên liệu; khuyến khích phát triển các vật liệu mới thay thế gỗ,...

- Tăng cường năng lực hệ thống nghiên cứu và khuyến lâm; đổi mới cơ chế, hình thức và phương pháp khuyến lâm; đẩy mạnh hợp tác quốc tế; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ vào sản xuất, phát triển hệ thống khuyến lâm; phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu và khuyến lâm.

- Phổ cập, ứng dụng công nghệ số (*bản đồ số, GIS, GPS, ảnh viễn thám,...* trong đó ưu tiên tích hợp lên điện thoại cá nhân) về rừng và đất lâm nghiệp, nhất là ở cấp xã để thực hiện tốt nhiệm vụ trên địa bàn.

8. Tổ chức sản xuất, kinh doanh, tăng cường năng lực trong công tác quản lý, đào tạo nguồn nhân lực

8.1. Tổ chức sản xuất, kinh doanh

- Phát triển các hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế, kinh tế hợp tác, kinh tế chia sẻ trong lâm nghiệp; phát triển sản xuất, kinh doanh đa dạng, gắn rừng trồng với công nghiệp chế biến và thương mại lâm sản theo chuỗi giá trị.

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đủ khả năng đầu tư theo chuỗi khép kín vào ngành lâm nghiệp và hỗ trợ, dẫn dắt người dân sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường; tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các ban quản lý rừng, doanh nghiệp trên địa bàn; phát triển lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại, cộng đồng và hợp tác xã; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; phát triển nông lâm kết hợp; ưu tiên hộ nghèo tham gia các hoạt động lâm nghiệp để tăng thu nhập.

8.2. Đào tạo nguồn nhân lực

- Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành lâm nghiệp; ưu tiên đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đủ trình độ tiếp cận

công nghệ hiện đại, để tạo những bước đột phá trong nghiên cứu, chọn, tạo và sản xuất giống, công nghệ sinh học, ứng dụng công nghệ cao trong lâm nghiệp.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngành lâm nghiệp chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả. Tạo điều kiện cho các chuyên gia, cán bộ trẻ tham gia hợp tác nghiên cứu và giảng dạy; đào tạo nghề chế biến lâm sản và chăm sóc, bảo vệ, sử dụng rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ và nông lâm kết hợp.

- Nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ mới, chuyển giao kỹ thuật và quy trình sản xuất mới cho các hộ nông dân; đào tạo các làng nghề, các vùng sản xuất chuyên canh.

- Tăng cường đào tạo tập huấn để phổ cập, ứng dụng công nghệ số về lâm nghiệp, nhất là cán bộ chuyên môn ở cấp xã để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn.

9. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế

- Tham gia tích cực và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức quốc tế về triển khai các chương trình, dự án, hoạt động tăng cường năng lực, chuyển giao, hợp tác trong lĩnh vực lâm nghiệp. Tăng cường thu hút các nguồn vốn quốc tế, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), thương mại các-bon rừng.

- Tăng cường vận động, thu hút và sử dụng đúng mục tiêu các nguồn vốn nhằm phục vụ cho bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người dân sống phụ thuộc vào rừng và nâng cao hiệu quả quản lý ngành lâm nghiệp.

- Chủ động hợp tác với các tổ chức trong lĩnh vực nghiên cứu, giáo dục, đào tạo và khuyến lâm để tiếp cận các chuẩn mực khoa học và công nghệ lâm nghiệp tiên tiến, phát triển nguồn nhân lực và nâng cấp trang thiết bị cho ngành.

- Tiếp tục thực hiện tốt các Công ước về buôn bán quốc tế động vật hoang dã (CITES), Công ước về đa dạng sinh học (UNCBD), Công ước về chống sa mạc hoá (UNCCD), Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC),... Các nguồn vốn hỗ trợ mới, như: Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF), Quỹ giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng (REDD+),...

10. Tổ chức giám sát và đánh giá hiệu quả Chiến lược

Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát và đánh giá Chiến lược, Kế hoạch hành động của tỉnh, của huyện; các chương trình, dự án, đề án thực hiện Chiến lược đảm bảo hiệu quả, thường xuyên, định kỳ, đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hạt Kiểm lâm:

- Là cơ quan đầu mối giúp UBND huyện điều hành, tổ chức thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược của UBND tỉnh, UBND huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành, đơn vị liên quan tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn. Chỉ đạo Kiểm lâm địa bàn tham mưu giúp chính quyền cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp đảm bảo có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp hàng năm và từng giai đoạn đảm bảo phù hợp với kế hoạch chung của tỉnh và đúng với các quy định của pháp luật; đồng thời tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát có hiệu quả. Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện; phối hợp, tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện đúng quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp để nâng cao nhận thức trong mọi tầng lớp nhân dân; tập huấn, hướng dẫn nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành và tổ chức triển khai có hiệu quả.

- Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch, phương án BVR-PCCCR trên địa bàn. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các chủ rừng, các xã, thị trấn trong công tác quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng, PCCCR.

- Phối hợp với Công an huyện, các phòng, ngành chức năng, chính quyền địa phương, chủ rừng tổ chức kiểm tra, truy quét, ngăn chặn về khai thác, chặt phá, lấn chiếm rừng, mua bán, vận chuyển lâm sản, săn bắt động vật rừng, chim tự nhiên di cư,... trái pháp luật trên địa bàn.

2. Phòng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành, đơn vị liên quan tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn; các cơ chế, chính sách trong bảo vệ và phát triển rừng theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh, HĐND huyện và các quy định của pháp luật.

- Hàng năm, tham mưu xây dựng kế hoạch trồng cây phân tán, cây xanh bóng mát, cảnh quan bảo vệ môi trường sinh thái gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; đồng thời tổ chức thực hiện có hiệu quả và tổng hợp, báo cáo đúng quy định.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành, đơn vị liên quan tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất lâm nghiệp; xử lý các vấn đề về tranh chấp, lấn chiếm đất rừng, các vi phạm pháp luật về đất đai, tài nguyên khoáng sản và môi trường trên địa bàn.

- Xây dựng Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất gắn với giao rừng, cho thuê rừng, cấp giấy CNQSD đất lâm nghiệp; thu hồi diện tích đất lâm nghiệp của các chủ sử dụng đất lâm nghiệp được giao, được thuê nhưng không sử dụng, sử dụng không hiệu quả, diện tích đất không có nhu cầu sử dụng, không đúng mục đích theo quy định của pháp luật; đồng thời tổ chức thực hiện có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng, quản lý các Quy hoạch về sử dụng đất lồng ghép với Quy hoạch, kế hoạch và chương trình phát triển lâm nghiệp có hiệu quả, đảm bảo phù hợp với kế hoạch chung của tỉnh và đúng với các quy định của pháp luật.

4. Công an huyện, Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Đoàn Biên phòng Thiên Cầm, Trung đoàn 841:

- Tổ chức, thực hiện tốt Quy chế phối hợp với Hạt Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; quản lý chặt chẽ nhân khẩu, hộ khẩu trên địa bàn.
- Chỉ đạo lực lượng Công an cấp xã, lực lượng quân sự, biên phòng cơ sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành, đơn vị liên quan tham mưu, giúp UBND huyện kiểm tra, hướng dẫn và bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện cơ chế, chính sách liên quan đến Chương trình phát triển lâm nghiệp theo từng giai đoạn và hàng năm; công tác bảo vệ, sử dụng, phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn huyện theo đúng quy định, nhất là kinh phí hỗ trợ cho các lực lượng tuần tra, canh gác lửa rừng, lực lượng tham gia chữa cháy rừng ở cấp xã, chủ rừng và các đơn vị có liên quan.

6. Phòng Kinh tế - Hạ tầng:

- Chủ trì, phối hợp với Hạt Kiểm lâm và các phòng, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển công nghiệp chế biến, thương mại lâm sản.
- Hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc quảng bá sản phẩm gỗ và lâm sản chế biến trên địa bàn tỉnh, tiếp thị thương mại.

7. Phòng Giáo dục và Đào tạo:

Chỉ đạo các trường học phối hợp với Hạt Kiểm lâm và các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, thi tìm hiểu pháp luật về lâm nghiệp; ký cam kết BVR-PCCCR, bảo vệ động vật hoang dã và chim hoang dã, di cư trong các trường học trên địa bàn.

8. Phòng Nội vụ:

Phối hợp với các địa phương, đơn vị có liên quan tham mưu sắp xếp bộ máy quản lý Nhà nước về lâm nghiệp theo quy định; theo dõi, tổng hợp, đề xuất thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với các tập thể, cá nhân trong công tác quản lý, bảo vệ, sử dụng, phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

9. Phòng Lao động - TB&XH:

Phối hợp với các ban, ngành liên quan đề xuất, giải quyết các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với người tham gia công tác bảo vệ, sử dụng, phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng bị thương, bị nạn theo quy định của pháp luật.

10. Phòng Tư pháp, Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm VH-TT:

Phối hợp với Hạt Kiểm lâm và các đơn vị liên quan tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ động vật hoang dã và chim hoang dã, di cư trên địa bàn; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc việc tuyên truyền để nâng cao nhận thức trong mọi tầng lớp nhân dân về chủ trương, đường

lời của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hiện Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam, Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược của UBND tỉnh, UBND huyện và các văn bản có liên quan,... Kịp thời nêu gương các điển hình, lên án các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp theo quy định.

11. Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật và bảo vệ cây trồng vật nuôi:

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành, đơn vị liên quan tham mưu, giúp UBND huyện đề xuất các giải pháp ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ mới trong sản xuất giống cây lâm nghiệp có giá trị cao về kinh tế và môi trường. Ưu tiên đầu tư thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ liên quan đến phát triển rừng, trồng rừng nguyên liệu, trồng rừng phòng hộ trên địa bàn.

12. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Cẩm Xuyên:

Chỉ đạo các Tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai các chính sách tín dụng của Chính phủ; tạo điều kiện, ưu tiên vốn cho vay cho các tổ chức, cá nhân phát triển sản xuất trong lĩnh vực lâm nghiệp theo quy định.

13. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 102 - Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp, Chiến lược phát triển lâm nghiệp, các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và nội dung Kế hoạch này để tổ chức thực hiện; đồng thời nâng cao năng lực cán bộ quản lý lâm nghiệp tại địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả về Chương trình phát triển lâm nghiệp trên địa bàn; tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý, BVR-PCCCR của các chủ rừng, các tổ chức, cá nhân có liên quan. Bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện có hiệu quả công tác BVR-PCCCR. Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện đúng quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp để nâng cao nhận thức trong mọi tầng lớp nhân dân; xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch, phương án BVR-PCCCR; phối hợp với các cơ quan chức năng, chủ rừng tổ chức kiểm tra, truy quét, ngăn chặn về khai thác, chặt phá, lấn chiếm rừng, vận chuyển lâm sản, săn bắt động vật rừng, chim hoang dã, di cư... trái pháp luật trên địa bàn quản lý, coi đây là nhiệm vụ chung và trọng tâm của cả hệ thống chính trị trong thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

14. Các đơn vị chủ rừng:

- Thực hiện có hiệu quả trách nhiệm của chủ rừng trên lâm phần được giao quản lý theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp hàng năm và từng giai đoạn trên lâm phần quản lý đảm bảo phù hợp với kế hoạch chung của huyện, của tỉnh và đúng với các quy định của pháp luật; đồng thời tổ chức thực

hiện có hiệu quả. Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện đúng quy định.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện có hiệu quả Phương án quản lý rừng bền vững; chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp thực hiện các chương trình, đề án, dự án... hoàn thành các mục tiêu Chiến lược đề ra.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp để nâng cao nhận thức trong mọi tầng lớp Nhân dân; xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch, phương án BVR-PCCCR; phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra, truy quét, ngăn chặn về khai thác, chặt phá, lấn chiếm rừng, vận chuyển lâm sản, săn bắt động vật rừng, chim hoang dã, di cư... trái pháp luật trên lâm phần quản lý.

15. Các Đoàn thể Chính trị - Xã hội cấp huyện:

Phối hợp với Hạt Kiểm lâm và các ngành, đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lâm nghiệp cho mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn. Đẩy mạnh các phong trào và thực hiện tốt các cuộc vận động Nhân dân tích cực tham gia công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; trồng cây phân tán, cây xanh bóng mát, cảnh quan bảo vệ môi trường sinh thái gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

(Chi tiết các nhiệm vụ có Phụ lục kèm theo)

UBND huyện yêu cầu các phòng, ngành, đoàn thể cấp huyện, UBND các xã, thị trấn, các chủ rừng căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này; báo cáo đột xuất và định kỳ kết quả thực hiện Kế hoạch, các khó khăn, vướng mắc về UBND huyện *(trực tiếp qua Hạt Kiểm lâm)* để tổng hợp, báo cáo UBND huyện đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT; (để báo cáo)
- Chi cục Kiểm lâm;
- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Phòng Tư pháp, NN&PTNT, Hạt Kiểm lâm;
- Phòng VH-TT, Trung tâm VH-TT huyện;
- Đoàn BP Thiên Cầm, Trung đoàn 841;
- Công an huyện, BCH Quân sự huyện;
- Ngân hàng NN chi nhánh Cẩm Xuyên;
- Trung tâm ứng dụng KHKT&BVCTVN;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các đơn vị chủ rừng;
- Các phòng, ngành, đoàn thể liên quan;
- Chánh, Phó VP HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT, KL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Hà